HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2024/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 06 tháng 02 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ ba mươi mốt thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đoàn Thị Hậu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

b) Bí thư Tỉnh ủy;

c) Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

đ) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng 2

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh; Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

b) Nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Sĩ quan lực lượng vũ trang có quân hàm cấp tướng và tương đương;

d) Cán bộ lão thành cách mạng (người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945); cán bộ tiền khởi nghĩa (người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945); Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

đ) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng 3

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;

b) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

c) Cục trưởng và tương đương;

d) Giám đốc sở, trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, trưởng cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh; trưởng cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương;

đ) Trưởng các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;

e) Trưởng đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

g) Bí thư các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

h) Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; Anh hùng Lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sĩ nhân dân; Nghệ nhân nhân dân;

i) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng 4

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Phó trưởng các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

c) Thư ký đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy;

d) Phó Giám đốc sở, Phó trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, Phó trưởng cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh; Phó trưởng cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Phó trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương;

đ) Phó trưởng cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;

e) Phó trưởng đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

g) Phó Bí thư các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

h) Phó cục trưởng và tương đương;

i) Trưởng các Hội cấp tỉnh được giao biên chế;

k) Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân ưu tú; cán bộ, công chức, viên chức có học vị tiến sĩ, Bác sỹ chuyên khoa II; Dược sỹ chuyên khoa cấp II.

5. Đối tượng 5

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Đối tượng 6

Trường hợp đang công tác là:

a) Trưởng phòng, trưởng các đơn vị thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Phó trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh, Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Uỷ viên Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

d) Chi cục trưởng thuộc sở; chi cục trưởng thuộc cục;

đ) Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành và tương đương, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các cơ quan ngành dọc Trung ương;

e) Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang;

g) Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

h) Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;

i) Trưởng phòng và tương đương của cục và tương đương;

k) Trưởng ban, cơ quan thuộc Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện; Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương;

l) Trưởng các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý Nhà nước cấp huyện ngành dọc Trung ương;

m) Ủy viên Ban Chấp hành tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh;

n) Trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

o) Phó Trưởng các Hội cấp tỉnh được giao biên chế;

p) Cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương có hệ số lương từ 5,08 trở lên đối với nam, từ 4,74 trở lên đối với nữ;

q) Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.

7. Cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ hỗ trợ thăm hỏi khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế…)

1. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 1: 1.500.000 đồng/người/lần và không quá 03 lần/năm.

2. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 2: 1.000.000 đồng/người/lần và không quá 03 lần/năm.

3. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 3: 800.000 đồng/người/lần và không quá 02 lần/năm.

4. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 4 và Đối tượng 5: 600.000 đồng/người/lần và 01 lần/năm.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ tiền ăn khi đi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế…)

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5, Đối tượng 6.

2. Mức hỗ trợ: 190.000 đồng/ngày/người.

3. Thời gian hỗ trợ: theo thực tế số ngày điều trị nội trú tại các cơ sở khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày/năm.

Điều 5. Chế độ điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại các cơ sở điều dưỡng

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5.

2. Mức hỗ trợ: 470.000 đồng/ngày/người.

3. Số lượng điều dưỡng hàng năm: do Ban Tổ chức Tỉnh ủy phân bổ chỉ tiêu.

4. Cơ sở điều dưỡng: Trung tâm Điều dưỡng người có công trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở điều dưỡng khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Thời gian điều dưỡng: 05 - 10 ngày/01 lần/năm (không kể thời gian đi và về).

6. Các trường hợp sau điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh có nhu cầu điều dưỡng, phục hồi sức khỏe do Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ viện phí khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế…)

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3.

2. Mức hỗ trợ: 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 7. Chế độ điều dưỡng ngoại trú

1. Điều dưỡng tại nhà

a) Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3 do tuổi cao, sức yếu, ốm nặng không đi điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng được.

b) Mức hỗ trợ: 230.000 đồng/ngày/người;

c) Thời gian điều dưỡng: 10 ngày/lần/năm.

2. Điều dưỡng ngoài tỉnh

a) Đối tượng 1 (đã nghỉ hưu)

- Mức hỗ trợ: không quá 10.000.000 đồng/người/đợt (bao gồm xe đưa đón, xăng xe, người phục vụ…).

- Thời gian điều dưỡng: thực hiện theo kế hoạch điều dưỡng hàng năm của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Đối tượng 2 (đã nghỉ hưu)

- Mức hỗ trợ: theo chi phí thực tế nhưng không quá 15.000.000 đồng/người/đợt (bao gồm: xe đưa đón, xăng xe, tiền ăn, tiền ngủ…).

- Thời gian điều dưỡng: 10 ngày/lần.

- Số lần điều dưỡng: 02 năm/lần theo kế hoạch điều dưỡng của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Điều 8. Chế độ hỗ trợ chữa bệnh đối với đối tượng mắc hiểm nghèo

1. Danh mục bệnh hiểm nghèo: theo danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng và mức hỗ trợ

a) Đối tượng 1: mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng 2: mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/người.

c) Đối tượng 3: mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.

d) Đối tượng 4: mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/người.

đ) Đối tượng 5: mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

3. Số lần hỗ trợ: 01 lần/người.

Điều 9. Chế độ thanh toán thuốc đặc trị, thuốc biệt dược và thực phẩm bảo vệ sức khoẻ theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ các cấp và bác sỹ tại bệnh viện tuyến trung ương

1. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 1: không quá 40.000.000 đồng/người/năm.

2. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 2: không quá 15.000.000 đồng/người/năm.

3. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 3: không quá 5.000.000 đồng/người/năm.

4. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 4: không quá 3.000.000 đồng/người/năm.

5. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 5: không quá 1.000.000 đồng/người/năm.

6. Đối với thuốc đặc trị, thuốc biệt dược và thực phẩm bảo vệ sức khoẻ phát sinh ngoài danh mục trúng thầu của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe tỉnh được mua trực tiếp và thanh toán theo giá trị thực tế trên cơ sở: đơn thuốc chỉ định của bác sỹ, hóa đơn mua thuốc (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) và Biên bản họp của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ. Thanh toán từ nguồn kinh phí của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh cấp hàng năm không vượt định mức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 10. Chế độ hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng 1

a) Mức hỗ trợ: không quá 10.000.000 đồng/người/đợt (ngoài kinh phí do Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương chi trả, bao gồm: tiền hỗ trợ khám ngoài danh mục của Trung ương, tiền ăn, tiền ngủ, chi hỗ trợ cho các đối tượng phục vụ đoàn).

b) Số lần khám: 02 lần/năm.

2. Đối tượng 2

a) Mức hỗ trợ: không quá 15.000.000 đồng/người/đợt (bao gồm: tiền dịch vụ kỹ thuật khám sức khỏe, tiền ăn, tiền ngủ…).

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

3. Đối tượng 3

a) Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người.

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

4. Đối tượng 4

a) Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người.

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

5. Đối tượng 5

a) Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người.

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

Điều 11. Chế độ hỗ trợ khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Đối tượng áp dụng: các trường hợp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Cơ sở khám sức khỏe: do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quyết định hoặc Bệnh viên Phục hồi chức năng tỉnh.

3. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí khám sức khỏe và chi phí phát sinh theo chỉ định của bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

Điều 12. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ

1. Thành viên Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ *(tối đa không quá 09 người)* và thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ được hưởng chế độ hỗ trợ như sau:

a) Cấp tỉnh: 1.170.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp huyện: 700.000 đồng/người/tháng.

2. Viên chức, bác sỹ, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ *(tối đa không quá 10 người)* được hưởng chế độ hỗ trợ: 700.000 đồng/người/tháng.

3. Thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh

a) Chủ trì hội chẩn: 700.000 đồng/người/ca.

b) Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sỹ chuyên khoa cấp II, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp I là thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh mức hỗ trợ: 590.000 đồng/người/ca.

c) Các bác sỹ, dược sĩ tham gia trực tiếp hội chẩn: 350.000 đồng/người/ca.

4. Các bác sỹ, nhân viên trực tiếp tham gia khám sức khỏe định kỳ đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

a) Bác sỹ: 700.000 đồng/người/ngày.

b) Nhân viên: 470.000 đồng/người/ngày.

5. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đưa, đón, phục vụ các đối tượng thuộc diện chăm sóc sức khoẻ đi khám, chữa bệnh ở Trung ương và ngoài tỉnh: hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/ngày (không bao gồm tiền thanh toán theo chế độ công tác phí theo quy định hiện hành).

6. Cán bộ, viên chức đang công tác tại các bệnh viện tuyến Trung ương được Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ tỉnh mời tham gia hỗ trợ hội chẩn và kết luận khám sức khỏe định kỳ.

a) Các cán bộ, viên chức có học hàm là Giáo sư, Phó giáo sư và đối với cán bộ là người đảm nhận các chức vụ Giám đốc bệnh viện, Phó giám đốc bệnh viện phụ trách chuyên môn, mức hỗ trợ: 7.020.000 đồng/người/đợt.

b) Các cán bộ, viên chức có học vị là Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sỹ chuyên khoa cấp II, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, mức hỗ trợ: 5.850.000 đồng/người/đợt.

c) Tiền ăn, tiền xe đưa, đón, vé máy bay (nếu có), thuê phòng nghỉ: thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Người đảm nhiệm nhiều chức vụ hoặc thuộc nhiều đối tượng tại Điều 2 Quy định này thì chỉ được hưởng chế độ, chính sách ở mức cao nhất mà người đó được hưởng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm nghỉ hưu giữ chức vụ nào thì hưởng chính sách của chức vụ đó.

3. Trường hợp người có chức vụ thuộc Điều 2 Quy định này bị kỷ luật hình thức buộc thôi việc, bị cách chức, bãi nhiệm (chức vụ Đảng, chính quyền), vi phạm pháp luật bị phạt tù; bị khai trừ ra khỏi Đảng khi đang công tác hoặc sau khi đã nghỉ hưu thì không được hưởng chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe tại Quy định này.

4. Các đối tượng đã được Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh cấp thẻ khám bệnh, chữa bệnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, nhưng không thuộc các đối tượng tại Điều 2 Quy định này thì được hưởng chế độ tại Điều 4 Quy định này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản (qua Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.